

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 894/QĐ-ĐHKG ngày 25 tháng 5 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)

Tên chương trình: **Khoa học cây trồng (Crop science)**

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Khoa học cây trồng

Mã ngành: 7620110

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (POs)

1.1 Mục tiêu chung:

Đào tạo nguồn nhân lực trình độ Kỹ sư trong lĩnh vực cây trồng; Chương trình giáo dục đại học Khoa học cây trồng cung cấp kiến thức, kỹ năng từ cơ bản đến chuyên sâu trong lĩnh vực chuyên môn đáp ứng nhu cầu xã hội

1.2 Mục tiêu cụ thể:

1.2.1 Về kiến thức: Chương trình đào tạo trang bị cho sinh viên

+ PO1: Vận dụng kiến thức chung cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt là lĩnh vực khoa học về cây trồng

+ PO2: Phân tích, đánh giá, thiết lập tổ chức sản xuất trong lĩnh vực chuyên môn.

1.2.2 Về kỹ năng: Sinh viên có khả năng

+ PO3: Vận dụng kiến thức chuyên môn cây trồng để thực hành, quản lý các vấn đề về nông nghiệp

+ PO4: Vận dụng kiến thức, khả năng chuyên môn để phân tích, tổng hợp, sáng tạo các vấn đề trong lĩnh vực khoa học cây trồng và thực tế

1.2.3 Về thái độ:

+ PO5: Hướng nghiệp, thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.

II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, sinh viên có khả năng:

2.1 Học phần thuộc khối kiến thức đại cương

PLO1: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị và pháp luật vào các vấn đề thực tiễn.

PLO2: Vận dụng được kiến thức giáo dục An ninh – Quốc phòng và đạt năng lực thể chất.

PLO3: Sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Theo thông tư 01/2014/TT-BGDĐT).

Handwritten signature

Việc quy đổi, công nhận một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam được thực hiện theo qui định hiện hành.

PLO4: Có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDDĐT-BTTTT).

PLO5: Thể hiện năng lực dẫn dắt về chuyên môn và nghiệp vụ đã được đào tạo, khả năng tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc, năng lực học tập suốt đời và động cơ khởi nghiệp.

PLO6: Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và ý thức trách nhiệm đối với công việc và cộng đồng.

2.2 Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành

PLO7: Vận dụng các kiến thức cơ sở, chuyên ngành về cây trồng; phương pháp nghiên cứu khoa học trong Khoa học cây trồng; tiếng anh chuyên ngành.

PLO8: Xây dựng, lập kế hoạch sản xuất trong lĩnh vực cây trồng và áp dụng kỹ thuật canh tác công nghệ cao.

PLO9: Thực hành, thí nghiệm và tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học. Phân tích, giải thích và đánh giá các số liệu thu thập thực tế.

PLO10: Quản lý cây trồng, tạo ra sản phẩm có chất lượng hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường và phát triển nông nghiệp bền vững; tham gia kiểm dịch thực vật và đánh giá chất lượng nông sản.

PLO11: Phân tích, giải quyết các tình huống trên cây trồng trong sản xuất thực tế. Đề xuất, kiến nghị các kỹ thuật canh tác, sản xuất tiên tiến

PLO12: Tổ chức, hợp tác và quản lý các vấn đề sản xuất nông nghiệp trong lĩnh vực khoa học cây trồng

PLO13: Phân tích, thẩm định, tự chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn nghiệp vụ.

Bảng 1. Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)												
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
PO1	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PO2			x	x	x	x	x		x	x	x	x	
PO3		x			x	x	x			x		x	x
PO4					x	x	x		x	x	x	x	x
PO5									x	x		x	x

Minh

Bảng 2. Kiểm tra mức độ đáp ứng của các CDR CTĐT với khung trình độ Quốc gia (bậc Đại học)

TT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO1			x												
PLO2		x	x				x								
PLO3	x	x			x		x	x					x		
PLO4	x	x			x		x		x						x
PLO5	x	x			x		x		x	x	x			x	x
PLO6	x	x			x	x	x	x		x	x			x	
PLO7	x	x			x	x	x	x		x			x	x	
PLO8			x	x								x			
PLO9		x				x	x	x	x	x			x		x
PLO10	x														
PLO11	x			x	x	x		x	x	x			x	x	x
PLO12		x	x		x	x		x	x	x	x			x	
PLO13	x	x	x		x		x		x	x	x		x	x	

III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 150 tín chỉ

Bảng 3. Cấu trúc kiến thức của chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
I	Kiến thức giáo dục đại cương	31	24	7
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	119	95	24
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	40	36	4
2.2	Kiến thức chuyên ngành	69	59	10
2.3	Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương	10	0	10
Tổng cộng:		150	119	31

Nguyễn

Bảng 4. Ma trận giữa các khối kiến thức và PLOs

[illegible]

IV. DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số Tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
I. Kiến thức giáo dục đại cương			31				
1.1 Kiến thức bắt buộc			24				
1	Z25005	Triết học Mác – Lênin	3	37	0	8	45
2	Z25006	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	21	0	9	30
3	Z25007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24	0	6	30
4	Z25008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	0	8	30
5	Z25009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	0	9	30
6	A25001	Pháp luật đại cương	2	21	0	9	30
7	G25170	Tin học cơ sở	3	30	30	0	60
8	F25011	Tiếng Anh 1	2	15	0	15	30
9	F25012	Tiếng Anh 2	3	21	0	24	45
10	F25013	Tiếng Anh 3	3	21	0	24	45
1.2 Kiến thức bắt buộc (Không tích lũy)			12				
11	Z25010	Giáo dục thể chất 1	1	0	30	0	30
12	Z25011	Giáo dục thể chất 2	1	0	30	0	30
13	Z25012	Giáo dục thể chất 3	1	0	30	0	30
14	Z25001	Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	45
15	Z25002	Công tác quốc phòng và an ninh	2	30	0	0	30
16	Z25003	Quân sự chung	2	14	16	0	30
17	Z25004	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	60	0	60



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số Tiết			Tổng
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	
1.3 Kiến thức tự chọn			7				
* Nhóm tự chọn 1			4				
18	A25013	Thực hành văn bản Tiếng Việt	2	15	30	0	45
19	A25014	Nghệ thuật giao tiếp	2	15	30	0	45
20	C25001	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	2	15	30	0	45
21	B26008	Quản trị học	2	30	0	0	30
22	A25007	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	30	0	0	30
* Nhóm tự chọn 2			3				
23	A25008	Giải tích	3	31	0	14	45
24	A25010	Đại số tuyến tính	3	33	0	12	45
25	A25012	Hóa đại cương	3	30	30	0	60
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			119				
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			40				
2.1.1 Kiến thức bắt buộc			36				
26	D26013	Sinh học đại cương Nông nghiệp	3	20	30	10	60
27	D26010	Chất điều hòa sinh trưởng	3	30	30	0	60
28	D26006	Sinh hóa Nông nghiệp	3	30	30	0	60
29	D26030	Sinh học phân tử Trồng trọt	2	15	30	0	45
30	D26002	Vi sinh học đại cương Nông nghiệp	3	20	30	10	60
31	D26003	Cơ sở di truyền học	3	30	30	0	60
32	D26008	Sinh lý thực vật	3	15	60	0	75
33	D26001	Thống kê sinh học	2	15	30	0	45
34	D26031	Thổ nhưỡng	3	30	30	0	60
35	D26032	Dinh dưỡng cây trồng	3	30	30	0	60
36	D26033	Phân loại thực vật	3	30	30	0	60

Nguyễn Văn Hải

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số Tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
37	D26005	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	15		15	30
38	D26034	Hóa bảo vệ thực vật	3	15	60	0	75
2.1.2 Kiến thức tự chọn			4				
39	D26035	Hệ sinh thái nông nghiệp & phát triển bền vững	2	15	30	0	45
40	D26036	Khí tượng thủy văn nông nghiệp	2	30	0	0	30
41	D26037	Lâm nghiệp đại cương	2	15	30	0	45
42	D26038	Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2	15	30	0	45
43	D26052	Công nghệ sinh học ứng dụng trong nông nghiệp	2	30	0	0	30
2.2. Kiến thức ngành			69				
2.2.1 Kiến thức bắt buộc			59				
44	D27002	Nuôi cấy mô tế bào thực vật	3	30	30	0	60
45	D27055	Côn trùng nông nghiệp	3	15	60	0	75
46	D27056	Bệnh cây đại cương	3	15	60	0	75
47	D27057	Chọn giống cây trồng	3	30	30	0	60
48	D27058	Cây lúa	4	30	60	0	90
49	D27059	Cây rau-màu	4	30	60	0	90
50	D27060	Sản xuất nấm ăn	3	15	60	0	75
51	D27061	Phân bón và khuyến cáo bón phân	3	30	60	0	75
52	D27062	Quan hệ đất – Nước - Cây trồng	3	30	30	0	60
53	D27131	Anh văn chuyên ngành -KHCT	2	15	0	15	30
54	D27063	Khuyến Nông	2	15	30	0	45
55	D27064	Cây ăn trái	3	15	60	0	75
56	D27065	Cỏ đại	3	15	60	0	75

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số Tiết			Tổng
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	
57	D27066	Cây công nghiệp	4	30	60	0	90
58	D27067	Xử lý ra hoa	3	15	60	0	75
59	D27068	Công nghệ cao và ứng dụng vào sản xuất cây trồng	3	15	60	0	75
60	D27079	Thực tập cơ sở	4	0	180	0	180
61	D27080	Thực tập giáo trình -KHCT	4	0	180	0	180
62	D27069	Hệ thống canh tác	3	30	30	0	60
2.2.2 Kiến thức tự chọn			10				
63	D27070	Hệ sinh thái nông nghiệp	2	15	30	0	45
64	D27071	Động vật hại trong nông nghiệp	2	15	30	0	45
65	D27072	Côn trùng trong kho vựa	2	15	30	0	45
66	D27073	Thực hành nông nghiệp tốt GAP	2	15	30	0	45
67	D27074	Marketing trong nông nghiệp	2	15	30	0	45
68	D27075	Bảo vệ môi trường	2	15	30	0	45
69	D27076	Đa dạng sinh học	2	15	30	0	45
70	D27077	Sinh lý stress thực vật	2	15	30	0	45
71	D27078	Cây hoa kiểng	2	15	30	0	45
* Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương			10				
72	D28002	Khóa luận tốt nghiệp - KHCT	10	0	450	0	450
73	D28012	Cây dược liệu	2	15	30	0	45
74	D28020	Công nghệ sinh học trong trồng trọt	2	15	30	0	45
75	D28021	Bảo quản nông sản sau thu hoạch	2	15	30	0	45
76	D28022	Kỹ thuật sản xuất rau sạch	2	15	30	0	45
77	D28023	Sản xuất cây trồng	2	15	30	0	45

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số Tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
78	D28024	qui mô trang trại IPM trong bảo vệ thực vật	2	15	30	0	45
Tổng cộng			150				

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ vào chương trình đào tạo Khoa tổ chức xây dựng kế hoạch giảng dạy phù hợp với hình thức đào tạo của trường theo Quyết định số 498/QĐ-ĐHKG ngày 18 tháng 08 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang

Căn cứ vào kế hoạch giảng dạy của khoa, sinh viên chủ động sắp xếp kế hoạch học tập sao cho phù hợp với khả năng, năng lực của mình và đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
KIÊN GIANG

Nguyễn Văn Thành